

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 28/12/2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thủy

Bà Lê Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa: Ông Nguyễn Văn Nguyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình, thụ lý số 35/2023/TLPT-HNGĐ ngày 08/11/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 110/2023/HNGĐ-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2023/QĐ-PT ngày 04/12/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Chí N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số A, đường Đ, phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1991

Nơi thường trú: Số A, đường Đ, phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Số M, đường V, phường P, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt: anh N và chị Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Lê Chí N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Q kết hôn với nhau năm 2014, trên

cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Thanh Hóa. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bản gốc hiện nay chị Q đang cất giữ nên anh không thể giao nộp cho Tòa án được. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn của vợ chồng anh càng thẳng thắt từ tháng 7 năm 2022, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng anh đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả.

Nay anh N xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Q.

- Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là cháu: Lê Hồng K, sinh ngày 02/8/2016 và cháu Lê Nguyên B, sinh ngày 28/02/2020. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu K cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu B cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh và chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Hiện nay anh đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại số nhà Số A, đường D, phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, anh đang công tác tại Trường Quân sự quân đoàn 1, có thu nhập ổn định 11.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày:

- Về hôn nhân: Chị thống nhất với trình bày của anh N về thời gian, điều kiện kết hôn; Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến 24/7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị là do anh N có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và về nhà còn đánh đập chị. Đến ngày 09/7/2022, mẹ chồng đuổi chị ra khỏi nhà, nên vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng rất nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được giải quyết. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh N làm đơn khởi kiện ly hôn chị không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu: Lê Hồng K, sinh ngày 02/8/2016 và cháu Lê Nguyên B, sinh ngày 28/02/2020. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, cháu B, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị mỗi con 2.500.000 đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi Tòa án có quyết định cho đến khi các con thành niên. Hiện nay chị đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại Số M, đường V, phường P, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh

Hóa, chị đang làm việc tại Công ty TNHH Phát triển giáo dục Long Phương, thu nhập ổn định 8.000.000đ/tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 110/2023/HNGĐ-ST, ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh N.

- Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Chí N được ly hôn chị Nguyễn Thị Q.

- Về con chung: Anh N và chị Q có hai con chung là cháu Lê Hồng K, sinh ngày 02/8/2016 và cháu Lê Nguyên B, sinh ngày 28/02/2020. Ly hôn giao cháu K cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu B cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K, cháu B đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác thay thế. Anh N và chị Q không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau.

Anh N, chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh N, chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 19/9/2023 chị Nguyễn Thị Q có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cả 02 con cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Q giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N khai hiện tại anh đang ở trong đơn vị, sẽ đưa bố mẹ và con đi thuê nhà ở gần đơn vị. Như vậy, anh N hiện tại chưa có

điều kiện chỗ ở ổn định để nuôi con, cần chấp nhận kháng cáo của chị Q, giao cho chị Q nuôi cả 2 con chung để đảm bảo quyền lợi cho các cháu có nơi ăn ở ổn định và có mẹ trực tiếp chăm sóc vì các cháu còn rất nhỏ. Đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 2 Điều 308; Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nghị Quyết 326/UBTVQH ngày 31/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận kháng cáo của chị Q, sửa bản án sơ thẩm số 110/2023/HNGĐ-ST, ngày 18/9/2023 của Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, giao cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung, chấp nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh N đóng góp nuôi con. Chị Q không phải nộp án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Q gửi trong thời hạn quy định, hợp lệ được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Q với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cả 02 con cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung thì thấy rằng:

Anh N và chị Q đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con là chính đáng, đó là quyền và cũng là nghĩa vụ của cha mẹ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với con chưa thành niên. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi phải trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt từ vật chất đến tinh thần cho con có thể phát triển một cách tốt nhất.

Xét thấy, anh N và chị Q đều có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, về nơi ở thì hiện tại 3 mẹ con chị Q đang ở ổn định tại nhà bố mẹ đẻ của chị Q. Còn anh N ở trong đơn vị quân đội tại thành phố Tam Điệp tỉnh Ninh Bình, thỉnh thoảng mới xin phép được về thăm gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh N khai sau khi xử phúc thẩm anh sẽ thuê nhà gần đơn vị để đưa bố mẹ và con đến ở cùng anh. Nếu anh chuyển đơn vị đến tỉnh khác lại đưa bố mẹ và con đi theo. Trong khi, anh khai bố mẹ không có lương hưu, vậy với 11.000.000đ tiền lương của anh nếu anh phải nuôi cả con, cả bố mẹ và thuê nhà thì sẽ rất khó khăn. Mặt khác, điều kiện công việc của anh trong quân đội thì không thể có nhiều thời gian chăm sóc con được như chị Q là giáo viên.

Tuy nhiên, cũng tại phiên tòa phúc thẩm, anh N lại khai là anh yêu cầu Tòa xử cho anh được nuôi con là để đảm bảo quyền lợi của anh, sau khi xử xong anh và chị Q vẫn thỏa thuận cho chị Q nuôi cả 2 cháu. Như vậy, lời khai của anh có nhiều mâu thuẫn, thể hiện việc anh yêu cầu nuôi con không phải là nguyện vọng chính đáng, chỉ vì được thua với chị Q.

Mặt khác, anh N cũng khai tại phiên tòa phúc thẩm là trong suốt thời gian từ khi chị Q đưa các con về nhà bố mẹ chị Q ở, anh không về thăm con và không đóng góp nuôi con, anh chỉ gửi tiền nuôi con nếu chị Q ở với bố mẹ anh để chăm sóc bố mẹ anh. Như vậy, anh N không nhận thức được trách nhiệm đóng góp nuôi con. Hiện tại anh N chưa đảm bảo được điều kiện ăn ở, học tập cho con nên không thể chấp nhận yêu cầu của anh N được nuôi con. Cần giao cho chị Q nuôi cả 2 con là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của 2 bên, đảm bảo cuộc sống và quyền lợi cho các cháu được mẹ trực tiếp chăm sóc, vì các cháu còn quá nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ.

Khi anh N có điều kiện ăn ở ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi con thì anh vẫn có quyền khởi kiện xin thay đổi nuôi con.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị Q, sửa án sơ thẩm giao cho chị Q nuôi cả 2 con là phù hợp.

[3] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Q được chấp nhận nên chị không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 điều 308; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Q, sửa 1 phần bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 110/2023/HNGĐ-ST, ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa về phần giao nuôi con.

Giao cháu Lê Hồng K, sinh ngày 02/8/2016 và cháu Lê Nguyên B, sinh ngày 28/02/2020 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh N không phải đóng góp nuôi con chung. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Q không phải nộp, chị Q được nhận lại 300.000đ, đã nộp tại biên lai thu số 3226, ngày 29/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Tòa án ND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga